

Số 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày 04-3-2021

V/v Yêu cầu ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Ánh Nguyệt.

Ông Nguyễn Văn Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khuê, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 366/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc “Yêu cầu ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXX-ST ngày 18 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021 giữa:

1- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Ngọc H, sinh năm 1971, Vắng mặt.

Địa chỉ: số 2285A, khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1976, Vắng mặt.

Địa chỉ: 118 ấp P, xã P, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2020, bản khai tiếp theo nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc H trình bày:

Về hôn nhân: Bà H với ông Nguyễn Ngọc D tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, giấy đăng ký kết hôn số 16 ngày 17 tháng 6 năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại ấp P, xã P, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau. Ông D cờ bạc, nợ nần, vô cớ gây chuyện đánh bà H. Mâu thuẫn đến mức trầm trọng không thể sống chung, bà H đã về Bà Rịa sống từ năm 2020 đến nay, trong thời gian sống ly thân có hòa giải hàn gắn nhưng không thành.

Về con chung: Có 01 người tên Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 10/8/2007, hiện nay đang sống cùng bà H, tình trạng sức khỏe bình thường.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Nay, bà H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc D; Về con chung yêu cầu được trực tiếp nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc D vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình thụ lý vụ án không triệu tập được ông D nên không thu thập được lời khai để biết được ý kiến của ông D đối với yêu cầu của bà H.

Ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Đối với bị đơn không chấp hành, không tham gia phiên hòa giải và xét xử.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào chứng cứ thu thập được, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, nghe ý kiến của Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ nhận định:

[1]*Về tố tụng:* Bà H yêu cầu ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ông D có nơi cư trú tại xã P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông D được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt đủ căn cứ giải quyết vắng mặt đương sự theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2]*Về hôn nhân:* Hôn nhân giữa bà H, ông D là hôn nhân hợp pháp, trong thời gian sống chung giữa bà H với ông D xảy ra mâu thuẫn theo bà H là do không hợp nhau, ông D cờ bạc, gây nợ nần không quan tâm gia đình, vô cớ gây gỗ và đánh bà H. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể sống chung, bà H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2020 vợ chồng sống ly thân đến nay, vợ chồng có hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Nay, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn, từ ngày thụ lý yêu cầu của bà H Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông D không đến Tòa án, không cung cấp bản khai, không có ý kiến để xác định lời trình bày của bà H về tình trạng hôn nhân có đúng hay không. Hiện ông D còn hộ khẩu ở địa phương, nhưng không tổng đạt được trực tiếp các văn bản tố tụng phải qua niêm yết, ông D không hợp tác đến tòa, điều này cho thấy ông D không còn tha thiết gì về quan hệ vợ chồng, không đến Tòa án để tham gia hòa giải hàn gắn. Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân, hiện tại ông D và bà H không còn sống chung. Như vậy, lời trình

bày của bà H là đúng về tình trạng hôn nhân của hai người, theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Ngọc H.

[3] Về nuôi con chung: Từ ngày sống ly thân con chung do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, tình trạng sức khỏe bình thường bà H có đủ điều kiện nuôi con chung. Nên giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, điều này phù hợp với nguyện vọng của con chung được quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nên bà Phan Thị Ngọc H phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), ông D không phải chịu án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Ngọc H, bà H được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc D.

2/- Về con chung: Bà Phan Thị Ngọc H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 10/8/2007, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bà H, ông D đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, ông D có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con.

3/- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4/- Về án phí: Bà Phan Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004563 ngày 25/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ; ông Nguyễn Ngọc D không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Đất Đỏ;
- CCTHADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tiến